

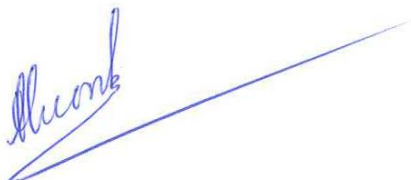
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH  
*VACI INSPECTION BODIES ACCREDITATION SCHEME (VAAS)*



**YÊU CẦU BỔ SUNG ĐỂ**  
***SUPPLEMENTARY REQUIREMENTS FOR***  
**CÔNG NHẬN CÁC TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH**  
***ACCREDITATION OF INSPECTION BODIES***

Mã số/ Code: **VACI SR 7.3**  
Lần ban hành/ Version: **1.0**  
Ngày ban hành/ Date of issue: **30/08/2024**

Soạn thảo  
Created by



**Nguyễn Việt Cường**

Soát xét  
Reviewed by



**Phan Minh Hải**

Phê duyệt  
Approved by



**Phan Minh Hải**



## MỤC LỤC

1. MỤC ĐÍCH/ <i>OBJECTIVE</i> .....	5
2. PHẠM VI ÁP DỤNG/ <i>SCOPE</i> .....	5
3. TÀI LIỆU THAM KHẢO/ <i>NORMATIVE REFERENCES</i> .....	5
4. THUẬT NGỮ, ĐỊNH NGHĨA/ <i>TERMS AND DEFINITIONS</i> .....	6
5. TRÁCH NHIỆM/ <i>RESPONSIBILITY</i> .....	6
6. YÊU CẦU BỔ SUNG CỦA TIÊU CHUẨN ISO/IEC 17020:2012/ <i>SUPPLEMENTARY REQUIREMENTS OF ISO/IEC 17020:2012</i> .....	7
Yêu cầu chung – Tính khách quan và độc lập/ <i>General requirements – Impartiality and independence</i> .....	7
Yêu cầu về cơ cấu – Yêu cầu về quản trị/ <i>Structural requirements – Administrative requirements</i> .....	9
Yêu cầu về cơ cấu – Tổ chức và quản lý/ <i>Structural requirements – Organisation and management</i> .....	10
Yêu cầu về nguồn lực – Nhân lực/ <i>Resource requirements – Personnel</i> .....	11
Yêu cầu về nguồn lực – Cơ sở vật chất và thiết bị/ <i>Resource requirements – Facilities and equipment</i> .....	14
Yêu cầu về nguồn lực – Thầu phụ/ <i>Resource requirements – Subcontracting</i> .....	17
Yêu cầu về quá trình – Phương pháp và thủ tục giám định/ <i>Process requirements - Inspection methods and procedures</i> .....	18
Yêu cầu về quá trình – Hồ sơ giám định/ <i>Process requirements - Inspection records</i> .....	20
Yêu cầu về quá trình – Báo cáo và chứng thư giám định/ <i>Process requirements - Inspection reports and inspection certificates</i> .....	20
Yêu cầu về Hệ thống quản lý – Các lựa chọn/ <i>Management system requirements – Options</i> .....	20
Yêu cầu về Hệ thống quản lý – Tài liệu hệ thống quản lý (Lựa chọn A)/ <i>Management system requirements – Management system documentation (Option A)</i> .....	21
Yêu cầu về Hệ thống quản lý – Kiểm soát hồ sơ (Lựa chọn A)/ <i>Management system requirements – Control of records (Option A)</i> .....	21
Yêu cầu về Hệ thống quản lý – Xem xét lãnh đạo (Lựa chọn A)/ <i>Management system requirements – Management review (Option A)</i> .....	21
Yêu cầu về Hệ thống quản lý – Đánh giá nội bộ (Lựa chọn A)/ <i>Management system requirements – Internal audits (Option A)</i> .....	22
Yêu cầu về Hệ thống quản lý – Hành động phòng ngừa (Lựa chọn A)/ <i>Management system requirements – Preventive actions (Option A)</i> .....	23
Thử nghiệm thành thạo/ <i>Proficiency Testing</i> .....	23
Phụ lục A Các yêu cầu về tính độc lập của tổ chức giám định/ <i>Annex A Independence requirements for inspection bodies</i> .....	24
7. PHỤ LỤC 1: ĐỊNH DẠNG CÓ THỂ ĐỂ PHÂN TÍCH RỦI RO ĐỐI VỚI TÍNH KHÁCH QUAN/ <i>ANNEX 1: POSSIBLE FORMAT FOR AN IMPARTIALITY RISK ANALYSIS</i> .....	25
8. PHỤ LỤC 2: MỐI QUAN HỆ GIỮA TÍNH KHÁCH QUAN VÀ CÁC YÊU CẦU ĐỘC LẬP LOẠI A/ <i>ANNEX 2 RELATIONSHIP BETWEEN IMPARTIALITY AND TYPE A INDEPENDENCE REQUIREMENTS</i> .....	26
8.1. Rủi ro được loại bỏ bằng cách tuân thủ yêu cầu của độc lập Loại A/ <i>Risks Eliminated by complying to Type A independence requirements</i> .....	26
8.2. Phân tích rủi ro về khách quan và theo dõi đo lường/ <i>Impartiality Risk Analysis and Control Measures</i> .....	26
8.3. Đối tượng giám định/ <i>Items inspected</i> .....	27

---

8.3. Loại A/ Loại C (Type A/ Type C) .....	28
9. TÀI LIỆU VIỆN DẪN/ <i>REFERS DOCUMENTS</i> .....	28

## 1. MỤC ĐÍCH/ OBJECTIVE

Tài liệu này cung cấp hướng dẫn chi tiết cho việc áp dụng các điều khoản của tiêu chuẩn ISO/IEC 17020:2012, phù hợp với yêu cầu của yêu cầu Hiệp hội Công nhận Phòng thí nghiệm Thế giới (ILAC), yêu cầu của Hiệp hội Công nhận Châu Á Thái Bình Dương (APAC) và Chương trình công nhận Tổ chức giám định (VAAS) của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam (VACI).

Tài liệu này được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam sử dụng để đánh giá công nhận các Tổ chức giám định cũng như các Tổ chức giám định muốn quản lý hoạt động của mình theo cách đáp ứng các yêu cầu công nhận.

Phiên bản tài liệu này cũng bao gồm hướng dẫn về các công nghệ mới không được đề cập trong ISO/IEC 17020:2012 và xem xét rằng hoạt động giám định có thể là một hoạt động được gắn với một quá trình rộng lớn hơn bao gồm thử nghiệm và chứng nhận.

Để thuận tiện cho việc tham khảo, mỗi điểm áp dụng được xác định theo các điều khoản tương ứng của tiêu chuẩn ISO/IEC 17020:2012 và các điều khoản nhỏ thích hợp, VD: 4.1.4n1 sẽ là điểm đầu tiên trong các yêu cầu của điều 4.1.4 của tiêu chuẩn.

## 2. PHẠM VI ÁP DỤNG/ SCOPE

- Tài liệu này áp dụng cho Tổ chức giám định đăng ký công nhận, Tổ chức giám định được công nhận và nhân sự của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam tham gia vào quá trình đánh giá công nhận Tổ chức giám định.

*This document provides detailed guidance for the application of the clauses of ISO/IEC 17020:2012, and complies with the requirements of the International Laboratory Accreditation Cooperation (ILAC), the requirements of the Asia Pacific Accreditation Cooperation (APAC) and the requirements of the VACI Inspection bodies Accreditation Scheme (VAAS) of Vietnam Institute of Accreditation (VACI).*

*It is intended to be used by Vietnam Institute of Accreditation assessing Inspection bodies for accreditation as well as by Inspection bodies seeking to manage their operations in a manner fulfilling the requirements for accreditation.*

*This version of the document includes guidance on emerging technologies that are not addressed in ISO/IEC 17020:2012, and takes in consideration that inspection can be an activity embedded in a larger process including testing and certification.*

*For ease of reference, each application note is identified by the relevant clause number of ISO/IEC 17020 and an appropriate suffix, e.g. 4.1.4 n1 would be the first application note on the requirements of clause 4.1.4 of the standard.*

*This document applies to inspection body registering for accreditation, accredited inspection body and personnel of the Vietnam Institute of Accreditation involved in the assessment and accreditation process of inspection bodies.*

## 3. TÀI LIỆU THAM KHẢO/ NORMATIVE REFERENCES

Tài liệu này được xây dựng dựa trên các tài liệu sau:

- ILAC-P15:05/2020 Áp dụng ISO/IEC 17020:2012 để công nhận các Tổ chức giám định;
- ILAC-G27:07/2019 Hướng dẫn về các phép đo được thực hiện như một phần của quá trình giám định.

*This document is based on the following documents:*

- ILAC-P15:05/2020 Application of ISO/IEC 17020:2012 for the Accreditation of Inspection bodies;
- ILAC G27:07/2019 Guidance on measurements performed as part of an inspection process.

#### 4. THUẬT NGỮ, ĐỊNH NGHĨA/ TERMS AND DEFINITIONS

Trong tài liệu này, các thuật ngữ và định nghĩa được nêu trong ISO/IEC 17000:2004 và ISO/IEC 17020:2012 được áp dụng.

Thuật ngữ “**phải**” được sử dụng xuyên suốt trong tài liệu này để chỉ các điều khoản tương ứng với các yêu cầu của ISO/IEC 17020:2012, hoặc trong một số trường hợp là yêu cầu về hoạt động của VACI theo ISO/IEC 17011:2017 và được coi là **bắt buộc**.

Thuật ngữ “**cần**” được sử dụng xuyên suốt trong tài liệu này để chỉ những điều khoản mặc dù không bắt buộc nhưng được ILAC cung cấp như một phương thức được thừa nhận để đáp ứng các yêu cầu. Thuật ngữ “**có thể**” được sử dụng để chỉ điều gì đó được phép. Thuật ngữ “**có thể**” được sử dụng để chỉ khả năng hoặc năng lực. Các Tổ chức giám định có hệ thống không tuân theo hướng dẫn “**cần**” trong tài liệu này sẽ chỉ đủ điều kiện để được công nhận nếu họ có thể chứng minh với VACI rằng các giải pháp của họ đáp ứng điều khoản có liên quan của ISO/IEC 17020 theo cách tương đương hoặc tốt hơn.

Các chương trình giám định riêng lẻ có thể chỉ định các yêu cầu bổ sung để được công nhận. Tài liệu này không cố gắng xác định các yêu cầu đó có thể là gì hoặc chúng sẽ được triển khai như thế nào.

#### 5. TRÁCH NHIỆM/ RESPONSIBILITY

- Viện trưởng VACI chịu trách nhiệm xem xét và phê duyệt tài liệu này;
- Quản lý chất lượng của VACI chịu trách nhiệm soát xét tài liệu này trước khi trình Viện trưởng VACI phê duyệt;
- Phụ trách Chương trình công nhận Tổ chức giám định chịu trách nhiệm nghiên cứu, biên soạn, theo dõi, quản lý và cập nhật liên tục tài liệu này;
- Tổ chức giám định đăng ký công nhận, Tổ chức giám định được công nhận, Chuyên gia đánh giá công nhận Tổ chức giám định và các nhân sự khác có liên quan đến quá trình công nhận Tổ chức giám định chịu trách nhiệm áp dụng và tuân thủ theo tài liệu này.

*For the purposes of this document the terms and definitions given in ISO/IEC 17000:2004 and ISO/IEC 17020:2012 apply.*

*The term “**shall**” is used throughout this document to indicate those provisions which, reflecting the requirements of ISO/IEC 17020:2012, or in a few cases requirements for the operation of VACI in ISO/IEC 17011:2017, are considered to be **mandatory**.*

*The term “**should**” is used throughout this document to indicate those provisions which, although not mandatory, are provided by ILAC as a recognized means of meeting the requirements. The term “**may**” is used to indicate something which is permitted. The term “**can**” is used to indicate a possibility or a capability. Inspection bodies whose systems do not follow the “**should**” guidance in this ILAC document will only be eligible for accreditation if they can demonstrate to the VACI that their solutions meet the relevant clause of ISO/IEC 17020 in an equivalent or better way.*

*Individual inspection schemes may specify additional requirements for accreditation. This document does not try to identify what such requirements may be or how they shall be implemented.*

- *Director of VACI is responsible for reviewing and approving this document;*
- *VACI's quality management is responsible for reviewing this document before submitting it to the Director of VACI for approval;*
- *Charge of Inspection bodies accreditation scheme is responsible for researching, compiling, monitoring, managing and continuously updating this document;*
- *Inspection bodies applying for accreditation, Accredited inspection bodies, Assessor and other personnel of VACI involved in the accreditation process for Inspection body responsible for application and follow these document.*

## 6. YÊU CẦU BỔ SUNG CỦA TIÊU CHUẨN ISO/IEC 17020:2012/ SUPPLEMENTARY REQUIREMENTS OF ISO/IEC 17020:2012

### 3.1n1

Thuật ngữ “lắp đặt” được định nghĩa là “kết nối của các thành phần lắp ráp với nhau để cùng đạt được mục đích mà không thể đạt được từ các thành phần riêng biệt”.

*The term “installation” may be defined as “a collection of components assembled to jointly achieve a purpose not achievable by the components separately”.*

### Yêu cầu chung – Tính khách quan và độc lập/ General requirements – Impartiality and independence

ISO/IEC 17020 nhấn mạnh vấn đề ngăn ngừa sự ảnh hưởng quá mức tới hoạt động giám định. Điều (4.1.2) yêu cầu các áp lực về thương mại, tài chính và các áp lực khác không làm ảnh hưởng tới tính khách quan, và thừa nhận các mối quan hệ cá nhân và tổ chức (4.1.3) có thể tiềm ẩn ảnh hưởng đến tính khách quan và cần được kiểm soát (4.1.4) để duy trì tính khách quan. Tiếp theo tiêu chuẩn xem xét tính độc lập và phân loại các tổ chức giám định thành các tổ chức Độc lập loại A, B và loại C để xác định bản chất các mối quan hệ giữa tổ chức giám định và đối tượng được giám định. Phụ lục 2 cung cấp hướng dẫn bổ sung.

*ISO/IEC 17020 places the highest importance on preventing the undue influencing of inspection activities. (4.1.2) requires that commercial, financial and other pressures do not compromise impartiality, and recognises that personal and organisational relationships (4.1.3) potentially compromise impartiality and may need controls (4.1.4) to maintain impartiality. Finally, it considers independence and classifies bodies into Independence Types A, B and C to signal the nature of the relationships between inspection body and the items inspected. Annex 2 provides additional guidance.*

### 4.1.3n1

“Một cách liên tục” có nghĩa là tổ chức giám định xác định rủi ro bất kể khi nào xảy ra các vấn đề có khả năng ảnh hưởng đến tính khách quan của tổ chức giám định.

*“On an ongoing basis” means that the inspection body identifies a risk whenever events occur which might have a bearing on the impartiality of the inspection body.*

### 4.1.3n2

Tổ chức giám định cần mô tả các mối liên hệ mà có thể ảnh hưởng đến tính khách quan theo mức độ liên quan, thông qua sơ đồ tổ chức hoặc hình thức khác.

*The inspection body should describe any of its relationships or its personnel’s that could affect its impartiality, to the extent relevant, using organisational diagrams or other means.*

### 4.1.3n3

Phụ lục 1 đưa ra một ví dụ về cách phân tích rủi ro về tính khách quan.

*Annex 1 gives an example of a possible format for impartiality risk analysis.*

Các ví dụ về mối quan hệ có thể ảnh hưởng đến tính khách quan bao gồm:

*Examples of relationships that could influence the impartiality include:*

- Mối quan hệ với Tổ chức mẹ;
- Mối quan hệ giữa các bộ phận trong Tổ chức;
- Mối quan hệ với đối tác và các bên quan tâm;
- Mối quan hệ với các cơ quan quản lý;
- Mối quan hệ với khách hàng;

- Relationship with a parent organisation;
- Relationship between departments in the organization;
- Relationship with partners and interested parties;
- Relationship with regulatory agencies;
- Relationships with clients;

- Mọi quan hệ của nhân viên;
- Mọi quan hệ với các nhà thiết kế, sản xuất, cung ứng, lắp đặt, mua sắm, sở hữu, sử dụng và bảo trì các đối tượng giám định.

#### 4.1.4n1

Các mối đe dọa và mua chuộc giám định viên và các nhân sự của tổ chức giám định có thể dẫn đến những rủi ro nghiêm trọng về tính khách quan. Sự đe dọa và mua chuộc có thể bắt nguồn từ bên trong hoặc bên ngoài của tổ chức giám định và có thể xảy ra bất cứ khi nào. Tổ chức giám định cần ghi nhận lại các rủi ro tiềm ẩn và đã được nhận diện về tính khách quan của việc giám định. Tất cả nhân sự làm việc dưới danh nghĩa tổ chức giám định cần nhận thức được trách nhiệm thực hiện công việc một cách khách quan, tham gia thích hợp vào các biện pháp đảm bảo tính khách quan của tổ chức và có quyền truy cập thích hợp để cung cấp các hồ sơ khi có vấn đề phát sinh. Việc phân tích rủi ro về tính khách quan của tổ chức giám định cần bao gồm chi tiết các phản hồi của tổ chức giám định đối với những rủi ro này.

#### 4.1.5n1

Tổ chức giám định cần có văn bản tuyên bố nhấn mạnh cam kết khách quan trong việc thực hiện các hoạt động giám định, quản lý các xung đột lợi ích và đảm bảo tính khách quan trong hoạt động giám định của tổ chức. Các hành động xuất phát từ lãnh đạo cao nhất không được trái với tuyên bố này.

#### 4.1.5n2

Một cách để lãnh đạo cao nhất nhấn mạnh cam kết này là công khai các tuyên bố và các chính sách.

#### 4.1.6n1

Một tổ chức giám định có thể có các loại độc lập khác nhau (Loại A, B hoặc C) cho từng hoạt động giám định khác nhau được đề cập trong phạm vi công nhận. Tuy nhiên, tổ chức giám định không thể cung cấp các loại độc lập khác nhau cho cùng một hoạt động giám định.

- *Relationships of personnel;*

*Relationships with the organisations designing, manufacturing, supplying, installing, purchasing, owning, using, or maintaining the items inspected.*

*Threats and inducements aimed at inspectors or other inspection body personnel may represent serious risks to impartiality. Threats and inducements may originate from inside or outside the inspection body and may happen at any time. The inspection body should record perceived and explicit risks to impartiality of inspections. All personnel working on behalf of the inspection body, should be aware of the responsibility to act impartially, be involved accordingly in the inspection body's impartiality measures and have appropriate access to provide records as issues arise. The inspection body's analysis of risks to impartiality should include details of the inspection body's responses to such risks.*

*The inspection body should have a documented statement emphasising its commitment to impartiality in carrying out its inspection activities, managing conflicts of interest and ensuring the objectivity of its inspection activities. Actions emanating from the top management should not contradict this statement.*

*One way for the top management to emphasise its commitment to impartiality is to make relevant statements and policies publicly available.*

*An inspection body may have different types of independence (Type A, B or C) for different inspection activities listed on the scope of accreditation. However, it is not possible for an inspection body to offer different independence types for the same inspection activity.*

#### 4.1.6n1

Sự phù hợp với các yêu cầu về độc lập Loại A kiểu A.1.b và A.1.c là có phù hợp hoặc không phù hợp, nghĩa là không thể chỉ phù hợp một phần các yêu cầu độc lập loại A. Điều đó cũng có nghĩa là việc phân tích rủi ro để có các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro về tính khách quan trong tình huống không phù hợp với các yêu cầu loại A là không thể thực hiện được. Do vậy, chỉ có thể loại bỏ trường hợp không phù hợp với yêu cầu độc lập Loại A.

*Complying with the Type A independence requirements A.1b and A.1.c is binary (yes or no) meaning that partly complying with Type A independence requirements is not possible. This also means that a risk analysis resulting in control measures to minimize the impartiality risks of a situation where there is no compliance with these Type A requirements is not possible. Hence, only elimination of the situation that is not compliant with these Type A requirements is possible.*

### Yêu cầu về cơ cấu – Yêu cầu về quản trị/ *Structural requirements – Administrative requirements*

#### 5.1.3n1

Tổ chức giám định phải mô tả các hoạt động của mình bằng cách xác định lĩnh vực và phạm vi giám định chung (Ví dụ: các loại hình/ loại hình nhỏ đối với sản phẩm, quá trình, dịch vụ hoặc sự cài đặt) và giai đoạn giám định (xem chú thích ở điều khoản 1 của tiêu chuẩn) và, nếu có thể, các quy định, tiêu chuẩn hoặc thông số kỹ thuật chứa các yêu cầu mà theo đó hoạt động giám định sẽ được thực hiện. ILAC G28 đưa ra hướng dẫn về việc xây dựng Phạm vi công nhận cho các Tổ chức giám định.

*The inspection body should describe its activities by defining the general field and range of inspection (e.g. categories/sub-categories of products, processes, services or installations) and the stage of inspection, (see note to clause 1 of the standard) and, where applicable, the regulations, standards or specifications containing the requirements against which the inspection will be performed. ILAC G28 gives guidance for the Formulation of Scopes of Accreditation for Inspection Bodies.*

#### 5.1.4n1

Mức độ dự phòng phải tương xứng với mức độ và bản chất của các trách nhiệm pháp lý có thể phát sinh từ các hoạt động của Tổ chức giám định.

*The level of provisions should be commensurate with the level and nature of liabilities that may arise from the inspection body's activities.*

Tổ chức giám định phải chứng minh giá trị của quỹ dự phòng hoặc giá trị gói bảo hiểm nghề nghiệp phải tương xứng với mức độ đền bù được nêu trong hợp đồng hoặc yêu cầu giám định trong trường hợp kết quả giám định không chính xác (theo quy định của điều 266 của Luật Thương mại 2005, mức đền bù không được vượt quá 10 lần phí giám định).

*The Inspection body shall prove that the value of the reserve fund or the value of the occupational insurance package shall be commensurate with the compensation level stated in the contract or inspection request in case the inspection outcome is inaccurate (according to the provisions of Article 266 of the Commercial Law 2005, the compensation level shall not exceed 10 times the inspection fee).*

#### 5.1.4n2

Đánh giá về 'sự thỏa đáng' có thể dựa trên bằng chứng về thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng và xem xét bất kỳ yêu cầu nào theo luật định hoặc quy tắc chương trình nào có liên quan. Tổ chức giám định cần phải chỉ ra những yếu tố nào đã được tính đến khi xác định điều gì cấu thành "dự phòng thỏa đáng". VACI không giữ vai trò phê duyệt quy định dự phòng của Tổ chức giám định.

*An assessment of 'adequacy' may be based on evidence of agreement between the parties to the contract and consideration of any relevant statutory requirements or scheme rules. The inspection body should be able to show what factors have been taken into account when determining what constitutes "adequate provision". It is not the role of an VACI to approve the provision held by an inspection body.*

## **Yêu cầu về cơ cấu – Tổ chức và quản lý/ *Structural requirements – Organisation and management***

### **5.2.2n1**

Quy mô, cơ cấu, thành phần và quản lý của một tổ chức giám định, xét về tổng thể, phải phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động trong phạm vi mà tổ chức giám định được công nhận.

*The size, structure, composition and management of an inspection body, taken together, shall be suitable for the competent performance of the activities within the scope for which the inspection body is accredited.*

### **5.2.2n2**

“Để duy trì khả năng thực hiện các hoạt động giám định” ngụ ý rằng tổ chức giám định phải triển khai các bước để cập nhật thông tin đầy đủ và theo kịp sự phát triển của kỹ thuật, cơ chế và/ hoặc luật pháp liên quan đến các hoạt động của mình.

*“To maintain the capability to perform the inspection activities” implies that the inspection body shall take steps to keep it appropriately informed about applicable technical, scheme and/or legislative developments concerning its activities.*

### **5.2.2n2**

Các tổ chức giám định phải duy trì năng lực và khả năng của mình để thực hiện các hoạt động giám định không được thực hiện thường xuyên (thường là với khoảng thời gian dài hơn một năm). Tổ chức giám định có thể chứng minh năng lực và khả năng của mình đối với các hoạt động giám định không được thực hiện thường xuyên thông qua 'các cuộc giám định giả định' và/ hoặc thông qua các hoạt động giám định được thực hiện trên các sản phẩm tương tự.

*Inspection bodies shall maintain their capability and competence to carry out inspection activities performed infrequently (normally with intervals longer than one year). An inspection body may demonstrate its capability and competence for inspection activities performed infrequently through 'dummy inspections' and/or through inspection activities conducted on similar products.*

### **5.2.3n1**

Tổ chức giám định phải duy trì sơ đồ tổ chức và/ hoặc tài liệu cập nhật nêu rõ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi thẩm quyền của từng bộ phận và từng nhân viên trong tổ chức giám định. (Những) vị trí nhân sự phụ trách kỹ thuật (điều khoản 5.2.5) và người thay mặt lãnh đạo cao nhất về Hệ thống Quản lý được tham chiếu trong điều khoản 8.2.3 cần được thể hiện rõ trong sơ đồ hoặc văn bản.

*The inspection body shall maintain an up-to-date organizational chart and/ or documentation that clearly states the functions, duties and scope of authority of each department and each employee within the inspection body. The technical manager(s) (clause 5.2.5) and the top management representative for the Management System referred to in clause 8.2.3 shall be clearly shown in the chart or documentation.*

### **5.2.4n1**

Có thể cần cung cấp thông tin liên quan đến nhân sự thực hiện nhiệm vụ công tác cho cả tổ chức giám định và các đơn vị, phòng ban khác để tính đến sự tham gia và ảnh hưởng mà họ có thể có đối với các hoạt động giám định.

*It may be relevant to provide information concerning personnel which carry out work tasks for both the inspection body and for other units and departments in order to take into account the involvement and the influence they may have over the inspection activities.*

### **5.2.5n1**

Để được coi là “sẵn có”, nhân sự đó phải được tuyển dụng nếu không thì phải được ký hợp đồng.

*In order to be considered as “available”, the person shall be either employed or otherwise contracted.*

## 5.2.5n2

Để đảm bảo các hoạt động giám định được thực hiện theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17020, (những) nhân sự phụ trách kỹ thuật và bất kỳ (những) nhân sự được ủy quyền thay thế nào phải có năng lực kỹ thuật cần thiết để hiểu tất cả các vấn đề và công nghệ quan trọng liên quan đến việc thực hiện các hoạt động giám định.

*In order to ensure that the inspection activities are carried out in accordance with ISO/IEC 17020, the technical manager(s) and any deputy(ies) shall have the technical competence necessary to understand all significant issues and technologies involved in the performance of inspection activities.*

## 5.2.6n1

Trong một tổ chức mà sự vắng mặt của nhân sự chủ chốt dẫn đến việc gián đoạn công việc thì không áp dụng yêu cầu phải có người thay thế.

*In an organization where the absence of a key person causes the cessation of work, the requirement for having deputies is not applicable.*

## 5.2.7n1

Các vị trí liên quan đến hoạt động giám định là giám định viên và các vị trí nhân sự khác có thể ảnh hưởng đến việc quản lý, thực hiện, lưu giữ hồ sơ hoặc báo cáo công việc giám định.

*The position categories involved in inspection activities are inspectors and other positions which could have an effect on the management, performance, recording or reporting of inspections.*

## 5.2.7n2

Bản mô tả công việc hoặc tài liệu khác phải nêu chi tiết các nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn cho từng vị trí được đề cập trong 5.2.7n1.

*The job description or other documentation shall detail the duties, responsibilities and authorities for each position category referred to in 5.2.7n1.*

## Yêu cầu về nguồn lực – Nhân lực/ Resource requirements – Personnel

### 6.1.1n1

Khi thích hợp, các tổ chức giám định phải xác định và lập thành văn bản các yêu cầu về năng lực cho từng hoạt động giám định, như được mô tả trong 5.1.3n1. Một số khía cạnh của các yêu cầu về năng lực có thể được xác định bởi các cơ quan quản lý và chủ sở hữu chương trình giám định hoặc được khách hàng chỉ định. Khi đó, tổ chức giám định phải kết hợp/ tham chiếu các yêu cầu này vào các định nghĩa về năng lực chung của mình. Tổ chức giám định vẫn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của các định nghĩa về năng lực và việc chúng tuân thủ các yêu cầu của ISO/IEC 17020.

*Where appropriate, inspection bodies shall define and document competence requirements for each inspection activity, as described in 5.1.3n1. Some aspects of competence requirements may already be defined by regulators and scheme owners or specified by clients. Where this is the case, the inspection body should incorporate/reference these requirements into their overall competence definitions. The inspection body remains responsible for the appropriateness of competence definitions and their compliance with the requirements of ISO/IEC 17020.*

### 6.1.1n2

Đối với “nhân sự tham gia vào hoạt động giám định”, xem 5.2.7n1.

*For “personnel involved in inspection activities”, see 5.2.7n1.*

### 6.1.1n3

Yêu cầu về năng lực phải bao gồm kiến thức về hệ thống quản lý của tổ chức giám định và khả năng thực hiện thủ tục hành chính cũng như các quy trình kỹ thuật áp dụng cho các hoạt động được thực hiện.

*Competence requirements should include knowledge of the inspection body’s management system and ability to implement administrative as well as technical procedures applicable to the activities performed.*

#### 6.1.1n4

Khi cần có sự đánh giá chuyên nghiệp để xác định sự phù hợp, thì điều này phải được xem xét khi xác định các yêu cầu về năng lực.

*When professional judgment is needed to determine conformity, this shall be considered when defining competence requirements.*

#### 6.1.2n1

Tất cả các yêu cầu của ISO/IEC 17020 đều áp dụng như nhau cho nhân viên chính thức và người lao động theo hợp đồng.

*All requirements of ISO/IEC 17020 apply equally for both employed and contracted persons.*

#### 6.1.5n1

Thủ tục ủy quyền chính thức cho giám định viên cần nêu rõ các nội dung chi tiết có liên quan được lập thành văn bản, ví dụ: hoạt động giám định được ủy quyền, thời điểm bắt đầu ủy quyền, danh tính của người thực hiện ủy quyền và nếu có, ngày kết thúc ủy quyền.

*The procedure for formally authorising inspectors should specify that the relevant details are documented, e.g. the authorised inspection activity, the beginning of the authorisation, the identity of the person who performed the authorisation and, where appropriate, the termination date of the authorisation.*

#### 6.1.6n1

“Thời gian làm việc dưới sự hướng dẫn” được đề cập ở mục b phải bao gồm việc tham gia giám định tại các địa điểm thực hiện giám định.

*The “mentored working period” mentioned in item b should include participation in inspections at the locations where these inspections are performed.*

#### 6.1.7n1

Việc xác định nhu cầu đào tạo cho mỗi người cần được thực hiện thường xuyên theo định kỳ. Định kỳ đào tạo cần được lựa chọn để đảm bảo thực hiện mục c của điều khoản 6.1.6. Kết quả của việc xem xét đào tạo, ví dụ như kế hoạch đào tạo thêm hoặc tuyên bố rằng không cần đào tạo thêm, phải được lập thành văn bản.

*Identification of training needs for each person should take place at regular intervals. The interval should be selected to ensure fulfilment of clause 6.1.6 item c. The results of the review of training, e.g. plans for further training or a statement that no further training is required, should be documented.*

#### 6.1.8n1

Mục đích chính của yêu cầu giám sát là cung cấp cho tổ chức giám định một công cụ để đảm bảo tính nhất quán và độ tin cậy của kết quả giám định, bao gồm bất kỳ sự đánh giá chuyên nghiệp nào so với các chuẩn mực chung. Giám sát có thể dẫn đến việc xác định nhu cầu đào tạo cá nhân hoặc nhu cầu xem xét hệ thống quản lý của tổ chức giám định.

*A major aim of the monitoring requirement is to provide the inspection body with a tool to ensure the consistency and reliability of inspection outcomes, including any professional judgments against general criteria. Monitoring may result in the identification of needs for individual training or needs for review of the inspection body’s management system.*

#### 6.1.8n2

Đối với “nhân sự khác tham gia vào hoạt động giám định”, xem 5.2.7n1.

*For “other personnel involved in inspection activities”, see 5.2.7n1.*

#### 6.1.9n1

Để xem xét một cách đầy đủ, bằng chứng cho thấy giám định viên vẫn đang thực hiện nhiệm vụ một cách có năng lực phải được chứng minh bằng sự kết hợp các thông tin như;

*To be considered sufficient, the evidence that the inspector is continuing to perform competently should be substantiated by a combination of information such as;*

- Thực hiện các cuộc kiểm tra và xác định một cách thỏa đáng,
- Kết quả tích cực của việc giám sát (xem ghi chú cho điều khoản 6.1.8),
- Kết quả tích cực của các đánh giá riêng biệt để xác nhận kết quả của các vụ giám định (điều này có thể khả thi và phù hợp trong trường hợp ví dụ như việc giám định tài liệu xây dựng),
- Kết quả tích cực của việc hướng dẫn và đào tạo,
- Không có đơn từ khiếu nại hoặc yêu cầu xem xét lại, và
- Có kết quả thỏa đáng của việc chứng kiến bởi một tổ chức có thẩm quyền, ví dụ như một tổ chức chứng nhận con người.

Đối với những hoạt động giám định sử dụng các phép đo và/ hoặc kết quả thử nghiệm như là một phần của quá trình giám định, tùy theo mức độ ảnh hưởng của kết quả phép đo và/ hoặc kết quả thử nghiệm đến kết quả giám định mà Tổ chức giám định phải chứng minh sự đúng đắn của kết quả đo lường, thử nghiệm bằng cách tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng theo hướng dẫn trong VACI G 7.3.2 và quy định trong VACI R 7.1.02.

#### 6.1.9n2

Một chương trình có hiệu lực để quan sát hiện trường các giám định viên có thể góp phần đáp ứng các yêu cầu của điều khoản 5.2.2 và 6.1.3. Chương trình cần được thiết kế có tính đến;

- Rủi ro và tính phức tạp của các vụ giám định,
- Kết quả của các hoạt động giám sát trước đó, và
- Những phát triển về mặt kỹ thuật, thủ tục hoặc pháp lý liên quan đến các vụ giám định.

Tần suất quan sát hiện trường phụ thuộc vào các vấn đề được liệt kê ở trên, nhưng phải ít nhất một lần trong chu kỳ đánh giá công nhận lại, tuy nhiên cần xem phần ghi chú ở điều 6.1.9n1.

Nếu mức độ rủi ro hoặc tính phức tạp, hoặc kết quả từ các cuộc quan sát trước chỉ ra như vậy, hoặc nếu đã xảy ra các thay đổi về mặt kỹ thuật, thủ tục hoặc luật pháp, thì nên cân nhắc tần suất cao hơn.

- *Satisfactory performance of examinations and determinations,*
- *Positive outcome of monitoring (see note to clause 6.1.8),*
- *Positive outcome of separate evaluations to confirm the outcome of the inspections (this may be possible and appropriate in the case of e.g. the inspection of construction documentation),*
- *Positive outcome of mentoring and training,*
- *Absence of legitimate appeals or complaints, and*
- *Satisfactory results of witnessing by a competent body, e.g. a certification body for persons.*

*For inspection activities using measurements and/or testing results as part of the inspection process, depending on the level of influence of the measurement results and/or testing results on the inspection outcome, the Inspection body shall demonstrate the correctness of the measurement and test results by participating in proficiency testing and interlaboratory comparison programs according to the instructions in VACI G 7.3.2 and the regulations in VACI R 7.1.02.*

*An effective program for the on-site observation of inspectors may contribute to fulfil the requirements in clauses 5.2.2 and 6.1.3. The program should be designed considering;*

- *The risks and complexities of the inspections,*
- *Results of previous monitoring activities, and*
- *Technical, procedural or legislative developments relevant to the inspections.*

*The frequency of on-site observations depends on the issues listed above, but should be at least once during the accreditation re-assessment cycle, however see application note 6.1.9n1.*

*If the levels of risks or complexities, or the results from previous observations, so indicate, or if technical, procedural or legislative changes have occurred, then a higher frequency should be considered.*

Tùy thuộc vào các lĩnh vực, loại hình và phạm vi giám định được ủy quyền của giám định viên, có thể cần nhiều hơn một lần quan sát cho mỗi giám định viên để bao quát đầy đủ toàn bộ phạm vi năng lực theo yêu cầu. Ngoài ra, có thể cần quan sát hiện trường thường xuyên hơn nếu thiếu bằng chứng về việc liên tục thực hiện đáp ứng yêu cầu.

### 6.1.9n3

Yêu cầu này được áp dụng ngay cả trong trường hợp tổ chức giám định chỉ có một người có năng lực kỹ thuật.

#### 6.1.10n1

Hồ sơ ủy quyền cần nêu rõ cơ sở của việc ủy quyền (ví dụ: quan sát hiện trường các vụ giám định).

#### 6.1.12n1

Các chính sách và thủ tục cần hỗ trợ nhân sự của tổ chức giám định trong việc xác định và giải quyết các mối nguy hoặc động cơ thương mại, tài chính hoặc các mối nguy hoặc động cơ khác có thể ảnh hưởng đến tính khách quan của họ, cho dù chúng xuất phát từ bên trong hay bên ngoài tổ chức giám định. Các thủ tục này phải giải quyết cách thức báo cáo và ghi lại bất kỳ xung đột lợi ích nào do nhân sự của tổ chức giám định xác định. Tuy nhiên, lưu ý rằng dù kỳ vọng về tính chính trực của giám định viên có thể được truyền đạt thông qua các chính sách và thủ tục, thì sự tồn tại của các tài liệu như vậy có thể không báo hiệu sự hiện diện của tính chính trực và tính công bằng theo yêu cầu của điều khoản này.

## Yêu cầu về nguồn lực – Cơ sở vật chất và thiết bị/ Resource requirements – Facilities and equipment

### 6.2.3n1

Nếu cần các điều kiện môi trường được kiểm soát, ví dụ để thực hiện chính xác việc giám định, tổ chức giám định phải theo dõi các điều kiện này và ghi lại kết quả. Nếu các điều kiện vượt quá giới hạn cho phép để thực hiện việc giám định, tổ chức giám định phải ghi lại các biện pháp đã thực hiện. Đề nghị xem thêm điều khoản 8.7.4.

### 6.2.3n2

Sự phù hợp liên tục có thể xác định bằng cách kiểm tra trực quan, kiểm tra chức năng và/ hoặc hiệu chuẩn lại. Yêu cầu này đặc biệt liên quan đến các thiết bị không còn nằm trong sự kiểm soát trực tiếp của tổ chức giám định.

*Depending on the fields, types and ranges of inspection covered by the inspector's authorisations, there may be more than one observation per inspector necessary to adequately cover the whole range of required competencies. Also, more frequent on-site observations may be necessary if there is lack of evidence of continuing satisfactory performance.*

*This requirement applies even in the case the inspection body has only one technically competent person.*

*Records of authorisation should specify the basis on which authorisation was granted (e.g. the on-site observation of inspections).*

*Policies and procedures should assist inspection body personnel in identifying and addressing commercial, financial or other threats or inducements which could affect their impartiality, whether they originate inside or outside the inspection body. Such procedures should address how any conflicts of interests identified by personnel of the inspection body are reported and recorded. Note, however, that while expectations for inspector integrity can be communicated by policies and procedures, the existence of such documents may not signal the presence of integrity and impartiality required by this clause.*

*If controlled environmental conditions are needed, e.g. for the correct performance of the inspection, the inspection body shall monitor these and record the results. If conditions were outside acceptable limits for the inspection to be performed, the inspection body shall record what action was taken. See also clause 8.7.4.*

*Continued suitability may be established by visual inspection, functional checks and/or re-calibration. This requirement is particularly relevant for equipment that has left the direct control of the inspection body.*

#### 6.2.4n1

Tổ chức giám định cần lập thành văn bản và lưu giữ cơ sở lập luận cho các quyết định về tầm quan trọng ảnh hưởng đáng kể của thiết bị đến kết quả giám định vì những quyết định này là nền tảng quan trọng cho các quyết định tiếp theo về hiệu chuẩn và khả năng liên kết chuẩn.

*Inspection bodies should document and retain the rationale for decisions on the significance of influence of equipment on the inspection results as these decisions are critical foundations for subsequent decisions on calibration and traceability.*

#### 6.2.4n2

Để theo dõi khi nào các chi tiết/ bộ phận của thiết bị được thay thế, nên có cách xác định rõ ràng, không nhầm lẫn cho chi tiết/ bộ phận của thiết bị ngay cả khi chỉ có duy nhất một chi tiết/ bộ phận của thiết bị.

*In order to enable tracking when items are replaced, the unique identification of an item of equipment may be appropriate even when there is only one item available.*

#### 6.2.4n3

Khi các điều kiện môi trường cần được kiểm soát, các thiết bị được sử dụng để theo dõi các điều kiện đó phải được coi là thiết bị có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả giám định.

*When controlled environmental conditions are needed, the equipment used to monitor such conditions should be considered as equipment that significantly influences the result of inspections.*

#### 6.2.6n1

Các lập luận cho việc không hiệu chuẩn thiết bị có tác động đáng kể đến kết quả giám định (xem khoản 6.2.4) phải được lưu hồ sơ.

*The justification for not calibrating equipment that has a significant influence on the outcome of inspection (see clause 6.2.4) shall be recorded.*

#### 6.2.6n2

Các tài liệu hướng dẫn về cách xác định chu kỳ hiệu chuẩn:

*Guidelines on how to determine calibration intervals found in:*

- ILAC G24 Hướng dẫn xác định chu kỳ hiệu chuẩn thiết bị đo.
- Yêu cầu bổ sung để công nhận các lĩnh vực thử nghiệm của VACI: VACI SR 7.1.01, VACI SR 7.1.02, VACI SR 7.1.03, VACI SR 7.1.04, VACI SR 7.1.05, VACI SR 7.1.06, VACI SR 7.1.07, VACI SR 7.1.08.
- Các thiết bị/ phương tiện đo thuộc danh mục phương tiện đo phải kiểm định/ hiệu chuẩn do Bộ Khoa học Công nghệ ban hành, với chu kỳ kiểm định đã quy định.
- Quy định của các hãng sản xuất thiết bị.

- *ILAC G24 Guidelines for the determination of recalibration intervals of measuring equipment*
- *Additional requirements for accreditation of VACI testing fields: VACI SR 7.1.01, VACI SR 7.1.02, VACI SR 7.1.03, VACI SR 7.1.04, VACI SR 7.1.05, VACI SR 7.1.06, VACI SR 7.1.07, VACI SR 7.1.08.*
- *The equipments on the list of equipments shall be verified which is issued by Ministry of Science and Technology, the calibration and/ or verification frequency according to the relevant measurement legal documents.*
- *Equipment manufacturer requirements.*

#### 6.2.6n3

Khi thích hợp (thường là đối với thiết bị được đề cập trong điều khoản 6.2.6), định nghĩa sẽ bao gồm độ chính xác và phạm vi đo lường cần thiết.

*When appropriate (normally for the equipment covered by clause 6.2.6) the definition shall include the required accuracy and measurement range.*

### 6.2.7n1

Theo ILAC P10, Tổ chức giám định có thể thực hiện hiệu chuẩn nội bộ các thiết bị được sử dụng cho các phép đo. Tuy nhiên, việc hiệu chuẩn nội bộ này phải đảm bảo liên kết chuẩn đo lường và tổ chức giám định phải có bằng chứng được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025.

*According to ILAC P10, inspection body is possible to perform in-house calibration of equipment used for measurements. However, that in-house calibration services are performed in accordance with metrological traceability and the Inspection body shall be accredited according to ISO/IEC 17025.*

### 6.2.7n2

Các thiết bị, dụng cụ, phương tiện đo liên quan đến kết quả giám định phải tuân thủ theo ILAC P10/ Quy định về tính liên kết chuẩn của kết quả đo của VACI (VACI R7.1.03) và các quy định pháp lý khác về đo lường.

*Measuring equipment and instruments related to the inspection results shall comply with ILAC P10/ VACI Regulations on the traceability of measurement results (VACI R7.1.03) and other legal regulations on measurement.*

Các thiết bị, dụng cụ, phương tiện đo phải được hiệu chuẩn bởi các tổ chức sau:

*Measuring equipments and instruments shall be calibrated by the following organizations:*

- Phòng hiệu chuẩn được công nhận bởi một trong các tổ chức công nhận nằm trong thoả ước thừa nhận lẫn nhau của APAC và ILAC;
- Các Viện đo lường quốc gia đã ký thoả ước thừa nhận lẫn nhau của CIPM;

- *Calibration laboratory accredited by one of APAC MRA members and ILAC MRA members;*
- *The National Metrology Institute that are signatories to the Comite International des poids et Measure (CIPM) MRA;*

Trong tất cả các tổ chức trên, khi sử dụng dịch vụ hiệu chuẩn thì Tổ chức giám định phải đảm bảo điều kiện: phạm vi và đối tượng hiệu chuẩn phải trong phạm vi được công nhận hoặc thừa nhận.

*When using the calibration services from those above organisations, IB shall ensure that: those organisations having accredited/ recognized calibration scopes and subjects cover calibration scopes and subjects that the labs seeking calibration services.*

### 6.2.9n1

Khi thiết bị phải trải qua các lần kiểm tra trong quá trình sử dụng giữa các lần hiệu chuẩn định kỳ, nội dung kiểm tra, tần suất và tiêu chí chấp nhận phải được xác định.

*Where equipment is subjected to in-service checks between regular re-calibrations, the nature of such checks, the frequency and acceptance criteria shall be defined.*

### 6.2.10n1

Thông tin được cung cấp trong 6.2.7n1, 6.2.7n2 và 6.2.9.n1 cho các chương trình hiệu chuẩn thiết bị cũng có giá trị đối với các chương trình hiệu chuẩn vật liệu chuẩn tham chiếu (chất chuẩn/ mẫu chuẩn).

*The information provided in 6.2.7n1, 6.2.7n2 and 6.2.9.n1 for programs of calibration of equipment is valid also for programs of calibration of reference materials.*

Đối với các hoạt động giám định sử dụng phép đo như là một phần của quá trình giám định, tùy vào mức độ ảnh hưởng của kết quả phép đo đối với kết quả giám định mà tổ chức giám định phải chứng minh tính liên kết chuẩn của phép đo, đồng thời tính toán độ không đảm bảo đo một cách thích hợp.

*For inspection activities using measurement as part of the inspection process, depending on the influence of the measurement results on the inspection results, the inspection body shall demonstrate the traceability of the measurement and calculate the measurement uncertainty appropriately.*

### 6.2.11n1

Khi tổ chức giám định sử dụng các nhà cung cấp thực hiện các hoạt động không nằm trong hoạt động giám định, nhưng liên quan tới kết quả của các hoạt động giám định, ví dụ: ghi nhận (đơn hàng)/ (yêu cầu công việc), lưu trữ, giao các dịch vụ mang tính phụ trợ trong quá trình giám định, kiểm tra văn bản các báo cáo giám định hoặc các dịch vụ hiệu chuẩn, thì các hoạt động này đều được coi là “dịch vụ” sử dụng trong điều khoản này.

*When the inspection body engages suppliers to perform activities which do not include the performance of part of the inspection, but which are relevant for the outcome of inspection activities, e.g. order registration, archiving, delivery of auxiliary services during an inspection, the editing of inspection reports or calibration services, such activities are covered by the term “services” used in this clause.*

### 6.2.11n2

Thủ tục xác minh cần đảm bảo rằng hàng hóa và dịch vụ đầu vào không được sử dụng cho đến khi sự phù hợp với thông số kỹ thuật đã được xác minh.

*The verification procedure should ensure that incoming goods and services are not used until conformance with specification has been verified.*

## Yêu cầu về nguồn lực – Thầu phụ/ Resource requirements – Subcontracting

### 6.3.1n1

Theo định nghĩa (ISO/IEC 17011, điều khoản 3.1), công nhận bị giới hạn ở các nhiệm vụ đánh giá sự phù hợp mà Tổ chức giám định đã chứng minh được năng lực để tự thực hiện. Do đó, không thể cấp công nhận cho các hoạt động được đề cập trong điểm thứ tư theo chú thích 1, nếu tổ chức giám định không có năng lực và/ hoặc nguồn lực cần thiết. Tuy nhiên, nhiệm vụ đánh giá và diễn giải kết quả của các hoạt động nêu trên nhằm mục đích xác định sự phù hợp có thể được đưa vào phạm vi công nhận, với điều kiện đã chứng minh được năng lực đầy đủ cho hoạt động này.

*By definition (ISO/IEC 17011, clause 3.1), accreditation is limited to conformity assessment tasks which the inspection body has demonstrated competence to perform itself. Thus, accreditation cannot be granted for activities referred to in the fourth bullet point under note 1, if the inspection body does not have the required competence and/or resources. However, the task of assessing and interpreting the results of such activities for the purpose of determining conformity may be included in the scope of accreditation, provided adequate competence for this has been demonstrated.*

### 6.3.3n1

Trong chú thích 2 về định nghĩa “giám định” trong điều khoản 3.1, có nêu rằng trong một số trường hợp, giám định có thể đơn giản chỉ là kiểm tra, mà không xác định về sự phù hợp sau đó. Trong những trường hợp như vậy, điều khoản 6.3.3 không áp dụng vì không có xác định về sự phù hợp.

*In note 2 to the definition of “inspection” in clause 3.1 it is indicated that in some cases inspection may be examination only, without a subsequent determination of conformity. In such cases clause 6.3.3 does not apply since there is no determination of conformity.*

### 6.3.4n1

Công nhận được coi là phương thức ưu tiên để chứng minh năng lực của nhà thầu phụ, nhưng trong những tình huống hợp lý (dựa trên đánh giá phê duyệt/ đánh giá chuyên nghiệp), kết quả từ các tổ chức chưa được công nhận có thể được chấp nhận.

*Accreditation is the preferred means to demonstrate the competence of the subcontractor, but in justified situations (on the basis of qualified evaluation/ professional judgement) results from non-accredited bodies could be accepted.*

### 6.3.4n2

Nếu việc đánh giá năng lực của nhà thầu phụ dựa một phần hoặc toàn bộ vào kết quả công nhận của nhà thầu phụ, tổ chức giám định phải đảm bảo rằng phạm vi công nhận của nhà thầu phụ bao gồm các hoạt động được giao thầu phụ.

VAAS không công nhận hoạt động giám định nếu toàn bộ công việc giám định được thực hiện hoàn toàn bởi nhà thầu phụ.

*If the evaluation of the competence of the subcontractor is based partly or in full on its accreditation, the inspection body shall ensure that the scope of the subcontractor's accreditation covers the activities to be sub-contracted.*

*VAAS doesn't accreditation inspection activities if the entire inspection work is performed entirely by a subcontractor.*

## Yêu cầu về quá trình – Phương pháp và thủ tục giám định/ *Process requirements - Inspection methods and procedures*

### 7.1.1n1

Nếu quá trình giám định bao gồm các phép đo, ILAC G27 đưa ra các hướng dẫn về cách xác định yêu cầu nào có thể có liên quan.

Nếu Tổ chức giám định sử dụng kết quả thử nghiệm để phục vụ quá trình giám định thì phòng nghiệm này phải được công nhận và/ hoặc được chỉ định bởi cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

*If the inspection includes measurements, ILAC G27 provides guidance on how to determine which requirements may be relevant.*

*If the Inspection body uses test results to serve the inspection process, this laboratory must be accredited and/ or designated by the competent State management agency.*

### 7.1.1n2

Để phát triển các phương pháp và thủ tục giám định mang tính đặc thù, các hướng dẫn trong ISO 17007 có thể được sử dụng.

*For the development of specific inspection methods and procedures the guidance in ISO/IEC 17007 can be used.*

### 7.1.1n3

Nhiều phương pháp giám định sử dụng mắt người để thực hiện giám định trực quan. Ngày càng có nhiều công nghệ mới (ví dụ như máy bay không người lái, máy ảnh, kính chuyên dụng, CNTT, trí tuệ nhân tạo, ...) được giới thiệu để sử dụng trong quá trình giám định. Điều này có thể là (một phần) thay thế phương pháp giám định hiện có (như mắt người) hoặc là phương pháp giám định mới.

*Many inspection methods use the human eye to perform visual inspections. Increasingly new technology (e.g drones, cameras, special glasses, IT, artificial intelligence, etc.) is introduced to be used during inspections. This could be as a (partly) replacement of an existing inspection method (like the human eye) or as a new inspection method.*

### 7.1.3n2

Các khía cạnh cần lưu ý khi đưa công nghệ mới vào là:

- Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp giám định mới hoặc đã thay đổi bằng công nghệ mới. Trong trường hợp thay thế (một phần) phương pháp giám định hiện có, cần phải khảo sát kết quả giám định có đáng tin cậy ngang bằng (hoặc hơn) so với kết quả của phương pháp hiện có hay không;
- Việc áp dụng các yêu cầu pháp lý và an toàn (như giấy phép), các hạn chế pháp lý và điều kiện pháp lý;

*Aspects that require attention with the introduction of new technology are:*

- *Validation of the new or changed inspection method using new technology. In case of (partly) replacement of an existing inspection method, it should be investigated whether the inspection outcome is equally (or more) reliable than the outcome of the existing method;*
- *The applicable legal and safety requirements (like permits), legal limitations and legal conditions;*

- Các giới hạn và điều kiện áp dụng cho phương pháp giám định khi sử dụng công nghệ mới;
- Có nên đề cập đến việc sử dụng công nghệ mới trong báo cáo giám định hay không;
- Có nên đề cập đến việc sử dụng công nghệ mới trong phạm vi giám định và/ hoặc công nhận hay không.

### 7.1.5n1

Khi thích hợp, hệ thống kiểm soát hợp đồng hoặc yêu cầu giám định cũng phải đảm bảo rằng;

- Các điều kiện hợp đồng được thỏa thuận;
- Năng lực của nhân sự là phù hợp;
- Bất kỳ yêu cầu theo luật định nào được xác định;
- Các yêu cầu về an toàn được xác định;
- Phạm vi của bất kỳ thỏa thuận thầu phụ nào được yêu cầu được xác định.

Đối với các yêu cầu giám định thường xuyên hoặc lặp lại, việc xem xét có thể giới hạn ở các cân nhắc về thời gian và nguồn nhân lực. Những hồ sơ có thể chấp nhận được trong trường hợp này là sự chấp thuận hợp đồng do một người được ủy quyền thích hợp ký.

### 7.1.5n2

Trong những trường hợp mà yêu cầu giám định bằng lời nói được chấp nhận, tổ chức giám định phải lưu giữ hồ sơ về tất cả các yêu cầu và hướng dẫn nhận được bằng lời nói. Khi thích hợp, cần ghi lại ngày tháng có liên quan và các thông tin cá nhân của đại diện khách hàng.

### 7.1.5n3

Hệ thống kiểm soát hợp đồng hoặc yêu cầu giám định phải đảm bảo sự minh bạch và có thể chứng minh được sự hiểu rõ giữa tổ chức giám định và khách hàng về phạm vi công việc giám định mà tổ chức giám định sẽ thực hiện.

### 7.1.6n1

Thông tin được đề cập trong điều khoản này không phải là thông tin do nhà thầu phụ cung cấp mà là thông tin nhận được từ các bên khác, ví dụ như cơ quan quản lý hoặc khách hàng của tổ chức giám định. Thông tin có thể bao gồm dữ liệu nền cho hoạt động giám định nhưng không phải là kết quả của hoạt động giám định.

*- The applicable limitations and conditions for the inspection method when new technology is used;*

*- Whether the use of new technology should be mentioned in the inspection report;*

*- Whether the use of new technology should be mentioned on the inspection and/or accreditation scope.*

*Where appropriate the contract or work order control system should also ensure that;*

*- Contract conditions are agreed;*

*- Personnel competence is adequate;*

*- Any statutory requirements are identified;*

*- Safety requirements are identified;*

*- The extent of any subcontracting arrangements required is identified.*

*For routine or repeat work requests the review may be limited to considerations of time and human resources. An acceptable record in such cases would be an acceptance of the contract signed by an appropriately authorised person.*

*In situations where verbal work orders are acceptable, the inspection body shall keep a record of all requests and instructions received verbally. Where appropriate, the relevant dates and the identity of the client's representative should be recorded.*

*The contract or work order control system should ensure that there is a clear and demonstrable understanding between the inspection body and its client of the scope of the inspection work to be undertaken by the inspection body.*

*The information referred to in this clause is not information provided by a sub-contractor, but information received from other parties, e.g. a regulating authority or the client of the inspection body. The information may include background data for the inspection activity, but not results of the inspection activity.*

## Yêu cầu về quá trình – Hồ sơ giám định/ *Process requirements - Inspection records*

### 7.3.1n1

Hồ sơ phải chỉ rõ loại thiết bị cụ thể nào có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả giám định đã được sử dụng cho từng hoạt động giám định.

*The records should indicate which particular item of equipment, having a significant influence on the result of the inspection, has been used for each inspection activity.*

## Yêu cầu về quá trình – Báo cáo và chứng thư giám định/ *Process requirements - Inspection reports and inspection certificates*

### 7.4.2n1

ILAC P8 và VACI R 4.3.1 đưa ra các yêu cầu về việc sử dụng biểu tượng công nhận và yêu cầu về trạng thái công nhận.

*ILAC P8 and VACI R 4.3.1 provides requirements for the use of accreditation symbols and for claims of Accreditation status.*

VAAS khuyến khích các Tổ chức giám định được công nhận sử dụng dấu hiệu công nhận và đưa ra các quy định cho việc sử dụng các biểu tượng công nhận trong các báo cáo/ chứng thư giám định. Khi Tổ chức giám định viện dẫn dấu hiệu công nhận trong các báo cáo/ chứng thư giám định, tổ chức giám định phải chịu trách nhiệm về:

*VAAS encourages accredited Inspection bodies to use the accreditation symbols and provides regulations for the use of accreditation symbols in inspection reports/ certificates. When an Inspection body refers to the accreditation symbols in its inspection reports/ certificates, the Inspection body is responsible for:*

- Các dịch vụ/ thử nghiệm không được công nhận được liệt kê trong các báo cáo/ chứng thư giám định (xem mục 6.2) và
- Kết quả giám định bao gồm hoặc dựa trên kết quả giám định được thực hiện bởi nhà thầu phụ không được công nhận (xem mục 6.2).

- *Non-accredited services/ tests listed in the inspection reports/ certificates (see section 6.2) and*
- *Inspection results that include or are based on inspection results performed by non-accredited subcontractors (see section 6.2).*

## Yêu cầu về Hệ thống quản lý – Các lựa chọn/ *Management system requirements – Options*

### 8.1.3n1

Cụm từ “Tiêu chuẩn quốc tế này” là tham chiếu đến ISO/IEC 17020.

*The expression “this International Standard” is a reference to ISO/IEC 17020.*

### 8.1.3n2

Tùy chọn B không yêu cầu Hệ thống quản lý của Tổ chức giám định phải được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 9001. Tuy nhiên, khi xác định phạm vi đánh giá bắt buộc, VACI sẽ xem xét liệu tổ chức giám định đã được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 9001 bởi một tổ chức chứng nhận được công nhận bởi một cơ quan công nhận đã ký thỏa ước thừa nhận lẫn nhau IAF MLA hoặc MLA khu vực cho hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý hay chưa.

*Option B does not require that the inspection body's management is certified to ISO 9001. However, when determining the extent of required assessment, the VACI should take into consideration whether the inspection body has been certified against ISO 9001 by a certification body accredited by an accreditation body which is a signatory to the IAF MLA, or to a regional MLA, for the certification of management systems.*

**Yêu cầu về Hệ thống quản lý – Tài liệu hệ thống quản lý (Lựa chọn A)/ Management system requirements – Management system documentation (Option A)**

**8.2.1n1**

Các chính sách và mục tiêu sẽ đề cập đến năng lực, tính khách quan và các hoạt động nhất quán của tổ chức giám định.

*The policies and objectives shall address the competence, impartiality and consistent operation of the inspection body.*

**8.2.4n1**

Để dễ tham khảo, tổ chức giám định nên chỉ ra yêu cầu nào của ISO/IEC 17020 đã được thực hiện, ví dụ bằng việc sử dụng bảng đối chiếu.

*For easy reference, it is recommended that the inspection body indicates where the requirements of ISO/IEC 17020 are addressed, e.g., by means of a cross reference table.*

**Yêu cầu về Hệ thống quản lý – Kiểm soát hồ sơ (Lựa chọn A)/ Management system requirements – Control of records (Option A)**

**8.4.1n1**

Yêu cầu này có nghĩa là tất cả hồ sơ cần thiết để chứng minh việc tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn phải được lập và lưu giữ.

*This requirement means that all records needed to demonstrate compliance with the requirements of the standard shall be established and retained.*

**8.4.1n2**

Trong trường hợp sử dụng con dấu hoặc chữ ký điện tử để phê duyệt, quyền truy cập vào phương tiện điện tử hoặc con dấu điện tử phải được bảo mật và kiểm soát.

*In cases where electronic seals or authorizations are used for approvals, access to the electronic media or seal should be secure and controlled.*

**Yêu cầu về Hệ thống quản lý – Xem xét lãnh đạo (Lựa chọn A)/ Management system requirements – Management review (Option A)**

**8.4.2n1**

Việc xem xét lại quá trình nhận diện rủi ro đối với tính khách quan và kết luận của quá trình này (điều khoản 4.1.3/ 4.1.4) phải là một phần của đợt xem xét lãnh đạo.

*A review of the impartiality risk identification process and its conclusions (clauses 4.1.3/ 4.1.4) should be part of the annual management review.*

**8.4.2n2**

Việc xem xét lãnh đạo cần lưu ý đến thông tin về tính đầy đủ của nguồn nhân lực và thiết bị hiện tại, khối lượng công việc dự kiến và nhu cầu đào tạo cả nhân viên mới và nhân viên hiện có.

*The management review should take into account information on the adequacy of current human and equipment resources, projected workloads and the need for training of both new and existing staff.*

**8.4.2n3**

Việc xem xét lãnh đạo cần bao gồm việc đánh giá hiệu lực của các hệ thống được thiết lập để đảm bảo năng lực đầy đủ của nhân viên.

*The management review should include a review of the effectiveness of systems established to ensure adequate competence of the personnel.*

## Yêu cầu về Hệ thống quản lý – Đánh giá nội bộ (Lựa chọn A) / *Management system requirements – Internal audits (Option A)*

### 8.6.4n1

Tổ chức giám định cần đảm bảo rằng tất cả các yêu cầu của ISO/IEC 17020 đều được đề cập trong chương trình đánh giá nội bộ trong chu kỳ công nhận. Các yêu cầu cần được xem xét cho tất cả các lĩnh vực giám định và cho tất cả các cơ sở nơi các hoạt động giám định được quản lý hoặc thực hiện.

Tổ chức giám định phải diễn giải cho việc lựa chọn tần suất giám định cho các loại yêu cầu, lĩnh vực giám định và cơ sở khác nhau như một phần của kế hoạch giám định được thực hiện. Việc diễn giải có thể dựa trên những cân nhắc như;

- Tầm ảnh hưởng,
- Mức độ thành thực,
- Hiệu suất trước đó,
- Những thay đổi về tổ chức,
- Những thay đổi về thủ tục và
- Hiệu lực của hệ thống để trao đổi kinh nghiệm giữa các địa điểm hoạt động khác nhau và giữa các lĩnh vực hoạt động khác nhau.

### 8.6.4n2

Đánh giá nội bộ là một công cụ thiết yếu mà tổ chức giám định cần áp dụng với tần suất đủ ngắn để theo dõi năng lực của mình trong việc thực hiện nhất quán các yêu cầu trong ISO/IEC 17020. Khi một tổ chức giám định phát hiện ra các vấn đề ảnh hưởng đến việc thực hiện bất kỳ yêu cầu nào của ISO/IEC 17020 (ví dụ: gia tăng khiếu nại và yêu cầu xem xét lại; kết quả không đạt yêu cầu tại các cuộc đánh giá bên ngoài; các vấn đề về trình độ nhân sự, v.v.), tổ chức cần cân nhắc tăng tần suất và chiều sâu của các cuộc đánh giá nội bộ và/ hoặc mở rộng phạm vi của chúng để bao gồm các địa điểm và lĩnh vực giám định khác.

### 8.6.5n1

Nhân sự bên ngoài có năng lực được ký hợp đồng có thể tiến hành đánh giá nội bộ.

*The inspection body should ensure that all requirements of ISO/IEC 17020 are covered by the internal audit program within the accreditation cycle. The requirements to be covered shall be considered for all fields of inspection and for all premises where inspection activities are managed or performed.*

*The inspection body shall justify the choice of audit frequency for different types of requirements, fields of inspection and premises as part of audit planning performed. The justification may be based on considerations such as;*

- *Criticality,*
- *Maturity,*
- *Previous performance,*
- *Organisational changes,*
- *Procedural changes, and*
- *Efficiency of the system for transfer of experience between different operational sites and between different fields of operation.*

*The internal audit is an essential tool the inspection body should apply with a frequency short enough to monitor its capacity to consistently fulfil the requirements in ISO/IEC 17020. When an inspection body detects problems that affect the fulfilment of any ISO/IEC 17020 requirement (e.g. a rise in complaints and appeals; unsatisfactory results at external audits; issues with personnel qualification, etc.), it should consider increasing the frequency and depth of its internal audits, and/or to extend their coverage to include other locations and fields of inspection.*

*Competent externally contracted personnel may carry out internal audits.*

**Yêu cầu về Hệ thống quản lý – Hành động phòng ngừa (Lựa chọn A)/ *Management system requirements – Preventive actions (Option A)***

**8.8.1n1**

Các hành động phòng ngừa được thực hiện trong một quá trình chủ động xác định những điểm không phù hợp tiềm ẩn và cơ hội cải tiến thay vì là phản ứng trước việc xác định những điểm không phù hợp, các vấn đề hoặc khiếu nại.

*Preventive actions are taken in a pro-active process of identifying potential non-conformities and opportunities for improvement rather than as a reaction to the identification of non-conformities, problems or complaints.*

**Thử nghiệm thành thạo/ *Proficiency Testing***

Tổ chức giám định phải có chính sách bằng văn bản về việc sẵn sàng tham gia thử nghiệm thành thạo đối với hoạt động thử nghiệm, nếu có.

*The inspection body shall have a documented policy on proficiency of certainty of testing where relevant proficiency testing activities are available.*

Tổ chức giám định cần tham khảo Quy định về tham gia hoạt động thử nghiệm thành thạo VACI R7.1.02.

*Inspection body should refer to the Regulations on participation in proficiency testing activities VACI R7.1.02.*

## Phụ lục A Các yêu cầu về tính độc lập của tổ chức giám định/ *Annex A Independence requirements for inspection bodies*

### An1

Phụ lục A.1 và A.2 của ISO/IEC 17020 đề cập đến cụm từ “đối tượng giám định” liên quan đến các tổ chức giám định Loại A và Loại B (4.1.6 n1 làm rõ các trường hợp mà một tổ chức giám định có thể có các loại độc lập khác nhau). Trong Phụ lục A.1 b có nêu rằng “Cụ thể, họ không được tham gia vào việc thiết kế, sản xuất, cung cấp, lắp đặt, mua, sở hữu, sử dụng hoặc bảo trì các đối tượng giám định”. Trong Phụ lục A.2 c có nêu rằng “Cụ thể, họ không được tham gia vào việc thiết kế, sản xuất, cung cấp, lắp đặt, sử dụng hoặc bảo trì các đối tượng giám định”. Việc tham chiếu đến “họ” trong các câu trên là để chỉ tổ chức giám định liên quan và nhân sự của tổ chức đó. Các mục trong trường hợp này là những mục được chỉ định trong chứng chỉ/ phụ lục của cơ quan công nhận liên quan đến phạm vi được công nhận của tổ chức giám định (ví dụ: bình chịu áp suất).

*Annex A.1 and A.2 of ISO/IEC 17020 refer to the phrase “items inspected” with respect to Type A and Type B inspection bodies (4.1.6 n1 clarifies the cases where an inspection body may have different types of independence). In Annex A.1 b it is stated that “In particular they shall not be engaged in the design, manufacture, supply, installation, purchase, ownership, use or maintenance of the items inspected”. In Annex A.2 c it is stated that “In particular they shall not be engaged in the design, manufacture, supply, installation, use or maintenance of the items inspected”. The reference to “they” in the above sentences is a reference to the inspection body concerned and its personnel. The items in this case are those items that are specified in the accreditation body’s certificate/annex with respect to the accredited scope of the inspection body (e.g. pressure vessels).*

### An2

Việc cung cấp dịch vụ tư vấn trong quá trình thiết kế, sản xuất, cung cấp, lắp đặt, mua sắm, sử dụng hoặc bảo trì các đối tượng giám định cũng được coi là hoạt động xung đột.

*It is also considered as a conflicting activity the provision of consultancy in the design, manufacture, supply, installation, purchase, use or maintenance of the items inspected.*

### An3

‘Yêu cầu quản lý’ có nghĩa là ngoại lệ đã được ghi vào luật có liên quan và/ hoặc khi Cơ quan quản lý cung cấp hướng dẫn công khai nêu rõ rằng ngoại lệ này được phép khi thực hiện như một phần của hoạt động giám định được quản lý.

*A ‘regulatory requirement’ means that the exception has been written into relevant legislation and/or where a Regulator provides publicly available guidance stating that this exception is permissible when undertaken as part of the regulated inspection activity.*

## 7. PHỤ LỤC 1: ĐỊNH DẠNG CÓ THỂ ĐỂ PHÂN TÍCH RỦI RO ĐỐI VỚI TÍNH KHÁCH QUAN/ ANNEX 1: POSSIBLE FORMAT FOR AN IMPARTIALITY RISK ANALYSIS

Điều khoản 4.1.3 yêu cầu tổ chức giám định phải xác định rủi ro đối với tính khách quan một cách liên tục và điều khoản 4.1.4 yêu cầu tổ chức giám định phải chứng minh cách thức loại bỏ hoặc giảm thiểu những rủi ro đó. Trên thực tế, sự kết hợp của hai điều khoản này cho thấy rằng “phân tích rủi ro về tính khách quan” là bắt buộc. Mặc dù thuật ngữ “phân tích rủi ro về tính khách quan” này không được đề cập trong ISO/IEC 17020, nhưng trong ghi chú ứng dụng này, nó được sử dụng như một thuật ngữ phổ biến rộng rãi mà thông qua đó các yêu cầu của điều khoản 4.1.3 và 4.1.4 có thể được tổ chức giám định giải quyết.

Các hành động mà tổ chức giám định chứng minh cách thức loại bỏ hoặc giảm thiểu các rủi ro về tính khách quan đã xác định trong thực tế thường được gọi là "biện pháp kiểm soát". Ngoài ra, thuật ngữ này không được đề cập trong ISO/IEC 17020.

Một định dạng có thể áp dụng cho việc phân tích rủi ro về tính khách quan được thể hiện trong bảng dưới đây.

*Clause 4.1.3 requires the inspection body to identify risks to impartiality on an ongoing basis and clause 4.1.4 requires the inspection body to demonstrate how it eliminates or minimizes such risks. In practice the combination of these two clauses indicates that “an impartiality risk analysis” is required. Although this term “impartiality risk analysis” is not mentioned in ISO/IEC 17020, in this application note it is used as a widely spread term through which the requirements of clauses 4.1.3 and 4.1.4 may be addressed by the inspection body.*

*The actions through which the inspection body demonstrates how it eliminates or minimizes the identified impartiality risks in practice are often called “control measures”. Also this term is not mentioned in ISO/IEC 17020.*

*A possible format for an impartiality risk analysis is shown in the table below.*

Tình huống/ <i>Situation</i>	Rủi ro đối với tính khách quan/ <i>Impartiality risk</i>	Biện theo dõi và đo lường/ <i>Control measure and its monitoring</i>	Biện pháp kiểm soát được tích hợp vào đâu trong hệ thống quản lý (quy trình, hướng dẫn, biểu mẫu, tuyên bố)?/ <i>Where in the management system is control measure embedded (procedure, instruction, form, statement)?</i>
<b>1. Hoạt động của tổ chức giám định/ <i>Activities of the inspection body</i></b>			
-			
-			
-			
<b>2. Mọi quan hệ của tổ chức giám định/ <i>Relationships of the inspection body</i></b>			
-			
-			
-			
<b>3. Mọi quan hệ của nhân sự/ <i>Relationships of personnel</i></b>			
-			
-			
-			

Bảng 1. Định dạng phân tích rủi ro về khách quan/ *Table 1. Possible format for an impartiality risk analysis*

## 8. PHỤ LỤC 2: MỐI QUAN HỆ GIỮA TÍNH KHÁCH QUAN VÀ CÁC YÊU CẦU ĐỘC LẬP LOẠI A/ *ANNEX 2 RELATIONSHIP BETWEEN IMPARTIALITY AND TYPE A INDEPENDENCE REQUIREMENTS*

- Tính khách quan (được định nghĩa là sự hiện diện của tính vô tư) là yêu cầu hàng đầu;
- *Impartiality (defined as presence of objectivity) is the leading requirement;*
- Tính khách quan của giám định viên có mặt khi giám định viên đó trong mọi trường hợp đều thể hiện tính khách quan trong phán quyết của mình;
- *Impartiality of an inspector is present when the inspector in all cases demonstrates objectivity in his/ her judgement;*

### 8.1. Rủi ro được loại bỏ bằng cách tuân thủ yêu cầu của độc lập Loại A/ *Risks Eliminated by complying to Type A independence requirements*

- Việc tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập Loại A sẽ loại bỏ các rủi ro về tính khách quan liên quan đến việc tham gia vào các hoạt động có thể xung đột với tính độc lập của phán quyết và sự chính trực liên quan đến các hoạt động giám định;
- *Complying with the Type A independence requirements eliminates the impartiality risks related to engaging in activities that may conflict with the independence of judgment and integrity in relation to inspection activities;*
- Các yêu cầu về tính độc lập Loại A nhằm mục đích tăng cường sự tin tưởng vào tính khách quan và chỉ loại trừ một số rủi ro về tính khách quan nhất định. Do đó, việc tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập Loại A này không loại bỏ được tất cả các rủi ro về tính khách quan;
- *The Type A independence requirements are meant to increase confidence in impartiality and exclude only certain impartiality risks. Hence, complying with these Type A independence requirements does not eliminate all impartiality risks;*
- Các rủi ro về tính khách quan còn lại phải được xác định (4.1.3) và giảm thiểu hoặc loại bỏ (4.1.4);
- *The remaining impartiality risks have to be identified (4.1.3) and minimized or eliminated (4.1.4);*

### 8.2. Phân tích rủi ro về khách quan và theo dõi đo lường/ *Impartiality Risk Analysis and Control Measures*

- Trong thực tế, việc xác định các rủi ro tiềm ẩn đối với tính khách quan thường được gọi là "phân tích rủi ro khách quan"; việc giảm thiểu hoặc loại bỏ các rủi ro khách quan theo 4.1.4 trong thực tế thường được gọi là "biện pháp kiểm soát";
- *In practice, the identification of the potential risks to impartiality is often called "impartiality risk analysis"; the minimization or elimination of impartiality risks according to 4.1.4 in practice is often called "control measures";*
- Phân tích rủi ro khách quan là bắt buộc đối với cả ba loại độc lập (Loại A, Loại B và Loại C);
- *An impartiality risk analysis is required for all three types of independence (Type A, Type B and Type C);*
- Việc tuân thủ các yêu cầu độc lập Loại A A.1b và A.1.c là nhị phân (có hoặc không) có nghĩa là không thể tuân thủ một phần các yêu cầu độc lập Loại A này.
- *Complying with the Type A independence requirements A.1b and A.1.c is binary (yes or no) meaning that partly complying with these Type A independence requirements is not possible.*

- Điều này cũng có nghĩa là không thể phân tích rủi ro dẫn đến các biện pháp kiểm soát để giảm thiểu rủi ro khách quan của tình huống không tuân thủ các yêu cầu Loại A này. Do đó, chỉ có thể loại bỏ tình huống không tuân thủ các yêu cầu Loại A này;
- Các yêu cầu độc lập Loại A A.1d có thể được giải quyết thông qua các biện pháp kiểm soát xuất phát từ phân tích rủi ro;
- Việc đánh giá xem một tổ chức giám định có tuân thủ các yêu cầu độc lập Loại A A.1b và A.1c hay không có thể phức tạp trong một số tình huống cụ thể (tùy thuộc vào các mục được giám định và đặc điểm thị trường), nhưng kết quả phải là có hoặc không;

### 8.3. Đối tượng giám định/ *Items inspected*

- Thuật ngữ “đối tượng giám định” được đề cập trong các yêu cầu độc lập Loại A của Phụ lục A.1b/c của ISO/IEC 17020 và được làm rõ trong tài liệu này ILAC-P15 theo A n1.
- Lý do đằng sau việc làm rõ ILAC-P15 là cần ngăn chặn ảnh hưởng có thể xảy ra đối với thị trường hoặc ảnh hưởng có thể xảy ra từ thị trường, do đó cũng ngăn chặn áp lực thương mại/ tài chính đối với tổ chức giám định và/ hoặc nhân sự của tổ chức này (ví dụ: giám định viên);
- Các tổ chức giám định có thể hoạt động tại các thị trường có các đặc điểm khác nhau về số lượng nhà cung cấp/ nhà sản xuất:
  - + Thị trường có số lượng nhà cung cấp/ nhà sản xuất hạn chế. Ví dụ, thang máy, ô tô, thiết bị áp lực;
  - + Thị trường có số lượng nhà cung cấp/ nhà sản xuất rất lớn. Ví dụ, trong lĩnh vực nông nghiệp/ thực phẩm.

Loại khác biệt này trong tình hình thị trường không ảnh hưởng đến việc giải thích ILAC-P15 A n1.; tổ chức giám định và giám định viên của tổ chức này sẽ không tham gia vào các mặt hàng được giám định như đã đề cập trong phạm vi công nhận, do đó, nói chung và không giới hạn chỉ đối với các mặt hàng cụ thể/ duy nhất/ riêng lẻ phải chịu sự giám định của tổ chức giám định.

*This also means that a risk analysis resulting in control measures to minimize the impartiality risks of a situation where there is no compliance with these Type A requirements is not possible. Hence, only elimination of the situation that is not compliant with these Type A requirements is possible;*

*The Type A independence requirements A.1d could be addressed through control measures resulting from the risk analysis;*

*The assessment whether an inspection body complies with the Type A independence requirements A.1b and A.1c can be complex in some specific situations (depending on the items inspected at hand and market characteristics), but the outcome must be yes or no;*

*The term “items inspected” is mentioned in the Type A independence requirements of Annex A.1b/c of ISO/IEC 17020 and is clarified in this document ILAC-P15 under A n1.*

*The reasoning behind the ILAC-P15 clarification is that possible influence on the market or possible influence from the market should be prevented, thus also preventing commercial/ financial pressures on the inspection body and/ or its personnel (e.g. inspectors);*

*Inspection bodies may operate in markets with different characteristics in terms of the number of suppliers/ producers:*

*+ Markets where there is a limited number of suppliers/ producers. For instance, elevators, cars, pressure equipment;*

*+ Markets where there is a very large number of suppliers/ producers. For instance, in the agro/ food sector.*

*This kind of difference in the market situation has no influence on the interpretation of ILAC-P15 A n1.; Inspection bodies and its inspectors shall not be engaged with the items inspected as mentioned on the scope of accreditation, thus in general and not restricted to only the specific/ unique/ individual items that are subject of an inspection by the Inspection body.*

### 8.3. Loại A/ Loại C (Type A/ Type C)

- Có thể khó tuân thủ các yêu cầu độc lập Loại A A.1b và A.1c trong một số lĩnh vực hoạt động kinh tế, nơi các giám định viên bên ngoài tiềm năng trong các lĩnh vực đó, trong hầu hết các trường hợp, tham gia vào các đối tượng giám định; Trong những trường hợp như vậy, Loại C là một giải pháp thay thế cho Loại A.
- Cần lưu ý rằng các yêu cầu về tính khách quan và năng lực đối với Loại A và Loại C là giống nhau; chỉ có các yêu cầu về tính độc lập là khác nhau.
- *It may be difficult to comply with the Type A independence requirements A.1b and A.1c in some sectors of economic activity where potential external inspectors in those sectors are, in most cases, engaged with the items inspected; In such cases Type C is an alternative for Type A.*
- *It should be noted that the impartiality and competence requirements for Type A and Type C are the same; only the independence requirements are different.*

## 9. TÀI LIỆU VIỆN DẪN/ REFERS DOCUMENTS

- ISO/IEC 17000:2004 Đánh giá sự phù hợp – Từ vựng và các nguyên tắc chung;
- ISO/IEC 17011:2017 Đánh giá sự phù hợp – Các yêu cầu chung đối với các tổ chức công nhận công nhận các tổ chức đánh giá sự phù hợp;
- ISO/IEC 17020:2012 Đánh giá sự phù hợp – Các yêu cầu đối với hoạt động của các loại tổ chức thực hiện giám định;
- ISO/IEC 17025:2017 Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn;
- ISO 15189:2012 Phòng xét nghiệm y tế – Yêu cầu về chất lượng và năng lực;
- ISO 9001:2015 Hệ thống Quản lý – Các yêu cầu;
- IAF/ILAC A2:01/2018 IAF/ILAC Các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau đa phương (Thỏa thuận): Các yêu cầu và thủ tục đánh giá một cơ quan công nhận;
- ISO/IEC 17007:2009 Đánh giá sự phù hợp - Hướng dẫn soạn thảo các văn bản quy phạm thích hợp để sử dụng cho mục đích đánh giá sự phù hợp;
- ILAC P8:03/2019 ILAC Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (Thỏa thuận): Các yêu cầu bổ sung cho việc sử dụng các dấu hiệu công nhận và cho các yêu cầu về tình trạng công nhận của các Tổ chức đánh giá sự phù hợp được công nhận;
- *ISO/IEC 17000:2004 Conformity assessment – Vocabulary and general principles;*
- *ISO/IEC 17011:2017 Conformity assessment – General requirements for accreditation bodies accrediting conformity assessment bodies;*
- *ISO/IEC 17020:2012 Conformity assessment – Requirements for the operation of various types of bodies performing inspection;*
- *ISO/IEC 17025:2017 General requirements for the competence of testing and calibration laboratories;*
- *ISO 15189:2012 Medical laboratories – Requirements for quality and competence;*
- *ISO 9001:2015 Management Systems – Requirements;*
- *IAF/ILAC A2:01/2018 IAF/ILAC Multi-lateral mutual recognition arrangements (Arrangements): Requirements and procedures for evaluation of a single accreditation body;*
- *ISO/IEC 17007:2009 Conformity assessment - Guidance for drafting normative documents suitable for use for conformity assessment;*
- *ILAC P8:03/2019 ILAC Mutual recognition arrangement (Arrangement): Supplementary requirements for the use of accreditation symbols and for claims of accreditation status by Accredited Conformity Assessment Bodies;*

- 
- ILAC P10:01/2013 Chính sách của ILAC về khả năng liên kết chuẩn đo lường của kết quả đo;
  - ILAC G24:2007 Hướng dẫn xác định chu kỳ hiệu chuẩn của các thiết bị đo lường;
  - ILAC G27:06/2017 Hướng dẫn về các phép đo được thực hiện như một phần của quá trình giám định;
  - ILAC G28:07/2018 Hướng dẫn về việc xây dựng phạm vi công nhận cho các tổ chức giám định.
- *ILAC P10:01/2013 ILAC policy on traceability of measurement results;*
  - *ILAC G24:2007 Guidelines for the determination of calibration intervals of measuring instruments*
  - *ILAC G27:06/2017 Guidance on measurements performed as part of an inspection process*
  - *ILAC G28:07/2018 Guideline for the Formulation of Scopes of Accreditation for Inspection Bodies*